



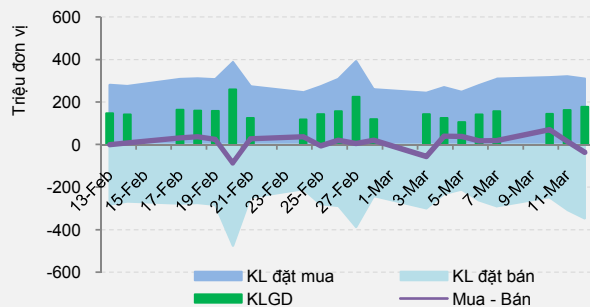
## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 12/3/2014

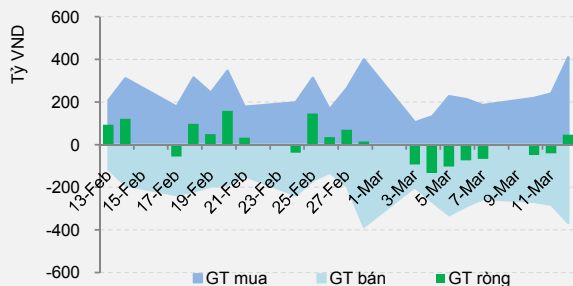
| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX         |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index               | 590.0       | 83.2        |
| % Thay đổi          | ↑ 0.3%      | ↓ -0.6%     |
| KLGD (CP)           | 177,883,620 | 87,240,842  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 3,080.41    | 890.64      |
| Tổng cung (CP)      | 345,480,570 | 144,966,000 |
| Tổng cầu (CP)       | 310,131,270 | 121,195,800 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX     |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP)       | 10,439,240 | 950,300 |
| KL mua (CP)       | 9,576,180  | 794,600 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 410.96     | 12.42   |
| GT bán (tỷ đồng)  | 365.24     | 14.53   |
| GT ròng (tỷ đồng) | 45.72      | (2.11)  |

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E   | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|-------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.44%    | 9.6   | 2.2 | 4.3%  |
| Công nghiệp         | ↓ -0.42%   | 347.3 | 1.3 | 23.7% |
| Dầu khí             | ↑ 0.80%    | 8.8   | 1.9 | 4.2%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -0.54%   | 15.4  | 2.2 | 1.0%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.79%    | 10.8  | 3.1 | 0.8%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.40%    | 13.5  | 4.9 | 12.3% |
| Ngân hàng           | ↓ -0.97%   | 14.4  | 1.4 | 6.2%  |
| Nguyên vật liệu     | ↑ 0.53%    | 11.9  | 2.2 | 12.4% |
| Tài chính           | ↑ 0.79%    | 16.1  | 2.4 | 31.1% |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↑ 0.50%    | 11.8  | 4.3 | 4.0%  |
| VN - Index          | ↑ 0.26%    | 14.6  | 3.1 | 77.6% |
| HNX - Index         | ↓ -0.56%   | 21.0  | 1.7 | 22.4% |

| Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE |           |      |           |      |
|-------------------------------------------|-----------|------|-----------|------|
|                                           | Mua       | %    | Bán       | %    |
| KLGD (CP)                                 | 1,344,910 | 0.8% | 3,459,370 | 2.1% |
| GTGD (tỷ VND)                             | 32,224    | 1.3% | 75,037    | 2.9% |

## ÁP LỰC CHỐT LỜI TĂNG MẠNH TẠI NGƯỠNG KHÁNG CỰ - CỔ PHIẾU BLUECHIPS HỖ TRỢ THỊ TRƯỜNG CHUNG

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index giảm trở lại khi tiếp cận mốc đỉnh gần nhất 596.4 điểm đã thiết lập trong ngày 27/2. Áp lực chốt lời gia tăng đáng kể tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng. Dòng tiền tiếp tục xu hướng chuyển dịch từ nhóm cổ phiếu nhỏ sang nhóm cổ phiếu Bluechips, midcap có nền tảng cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy thời gian qua. Được hỗ trợ của nhóm cổ phiếu lớn, chỉ số VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp, dù số lượng cổ phiếu giảm điểm tăng mạnh so với phiên trước.

Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm. Áp lực chốt lời tăng mạnh trên toàn thị trường chung, chỉ một số cổ phiếu cơ bản có nền tảng tích lũy duy trì mức tăng giá. Điểm tích cực là lực cầu giá thấp khá tốt, khối lượng khớp lệnh tăng nhanh khi thị trường giảm điểm, chỉ số HNX-Index đóng cửa phục hồi so với mức thấp nhất.

Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi VN-Index đã tiến gần ngưỡng cản 595-600 điểm, HNX-Index tiếp cận ngưỡng cản 84 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật, đặc biệt khi kỳ review của hai quỹ ETF đang đến gần.

Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục xem xét MUA dần cổ phiếu Bluechip, midcap có yếu tố cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy và được dòng tiền quan tâm.

- Chỉ số VN-Index tăng 1.52 điểm (0.26%), lên 590.02 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 596.38 điểm.

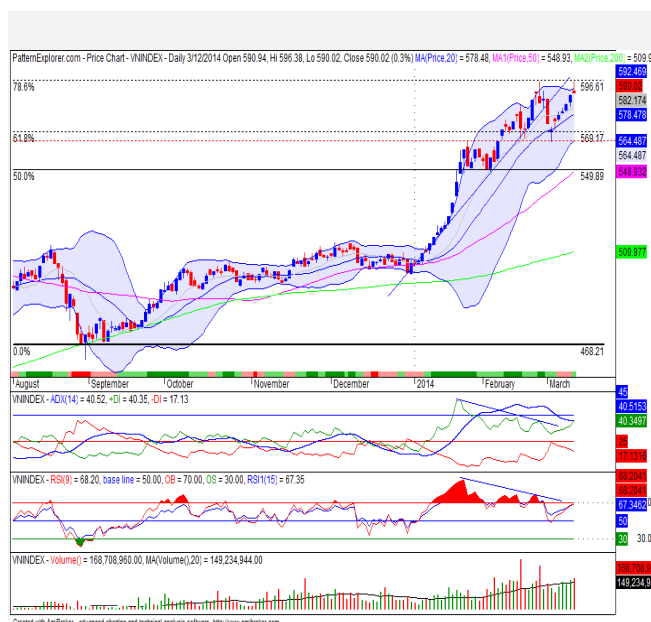
- Chỉ số HNX-Index giảm 0.47 điểm (0.56%), xuống 83.17 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 83.94 điểm.

- Thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng tiếp tục dồi dào, dù lượng cung tiền của NHNN qua nghiệp vụ thị trường mở bằng không và NHNN vẫn đang đẩy mạnh phát hành tín phiếu huy động vốn. Tính đến ngày 11/3, toàn hệ thống còn 119.424 tỷ tín phiếu chưa đáo hạn. Diễn biến này do đầu ra hoạt động tín dụng của hệ thống Ngân hàng còn rất hạn chế.

- Dự thừa thanh khoản, các Ngân hàng tiếp tục điều chỉnh giảm lãi suất huy động. Hầu hết các mức huy động đều thấp hơn nhiều so với trần 7% hiện nay, lãi suất kỳ hạn 1 tháng dưới 6%/năm. Lãi suất cho vay bình quân toàn hệ thống hầu như chưa biến động trong 6 tháng qua, dù các Ngân hàng có đưa ra chương trình cho vay ưu đãi đối với một số lĩnh vực khuyến khích kinh doanh. Với định hướng của NHNN về việc giảm thêm 1-2%/năm lãi suất cho vay, có khả năng đã giảm lãi suất huy động vẫn chưa dừng lại. NHNN cũng dự kiến lãi suất cho vay có thể bắt đầu giảm từ Quý II.

- Hôm nay Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam PVX công bố chủ trương thoái vốn tại các công ty con niêm yết trên TTCK. Theo đó, PVX sẽ thoái vốn theo hình thức khớp lệnh, thời gian từ 10/3/2014 đến hết năm 2015, giá bán không thấp hơn giá vốn. Danh sách các doanh nghiệp PVX thoái vốn niêm yết trên sàn gồm 13 doanh nghiệp (PXT, PFL, PTL, PSG, SDP, FCM, PVA, PID, PXL, PVV, PVL, PHH, ICG). Giá vốn PVX đầu tư vào các công ty con phần lớn bằng mệnh giá. Khá nhiều doanh nghiệp trong diện thoái vốn hoạt động khó khăn, giá cổ phiếu thấp hơn nhiều so với giá đầu tư, thấp nhất là PSG với giá ngày 12/3 là 1.900 đồng/cp.

**VN-INDEX**



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Giảm        | Trung tính       | Tăng               |

**Ghi chú:**  
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 1.52 điểm (0.26%), lên 590.02 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 596.38 điểm.

- KLGD tăng 6% so với phiên giao dịch trước, lên 168 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 67 điểm, tâm lý thị trường tích cực hơn. MACD 9 ngày thu hẹp khoảng cách phía dưới đường tín hiệu. Đường DI+ đã tăng cao hơn ngưỡng cân về xu hướng phân kỳ với đường giá.

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index giảm điểm trở lại khi tiếp cận mốc đỉnh gần nhất 596.4 điểm đã thiết lập trong ngày 27/2. Áp lực chốt lời gia tăng đáng kể tại nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng. Dòng tiền tiếp tục xu hướng chuyển dịch từ nhóm cổ phiếu nhỏ sang nhóm cổ phiếu Bluechips, midcap có nền tảng cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy thời gian qua. Được hỗ trợ của nhóm cổ phiếu lớn, chỉ số VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp, dù số lượng cổ phiếu giảm điểm tăng mạnh so với phiên trước.

**Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi VN-Index đã tiến gần ngưỡng cản 595-600 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, đặc biệt khi kỳ review của hai quỹ ETF đang đến gần.**

**Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục xem xét MUA dần cổ phiếu Bluechip, midcap có yếu tố cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy và được dòng tiền quan tâm.**

**HNX-INDEX**



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Giảm        | Trung tính       | Tăng               |

**Ghi chú:**  
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.47 điểm (0.56%), xuống 83.17 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 83.94 điểm.

- KLGD giảm 19% so với phiên trước, xuống 85 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 67 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn. Đường MACD 9 ngày thu hẹp khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

**Nhận định:** Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm. Áp lực chốt lời tăng mạnh trên toàn thị trường chung, chỉ một số cổ phiếu cơ bản có nền tảng tích lũy duy trì mức tăng giá. Điểm tích cực là khối lượng khớp lệnh tăng nhanh khi thị trường giảm điểm, chỉ số HNX-Index đóng cửa phục hồi so với mức thấp nhất cho thấy lực cầu bắt đáy khá tốt.

**Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục ở mức cao trong phiên giao dịch ngày mai. Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm, đặc biệt khi kỳ review của hai quỹ ETF đang đến gần. Dòng tiền dự báo tiếp tục luân chuyển từ nhóm cổ phiếu nhỏ sang cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, đã tích lũy trong thời gian qua.**

**Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục xem xét MUA dần cổ phiếu Bluechip, midcap có yếu tố cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy và được dòng tiền quan tâm.**

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ**

| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ) | % LN so 2012 | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|------------|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|--------------|---------------|----------------|
| 1   | <b>SD7</b> | HNX  | 343.78       | 236.0%          | 4.7          | <b>47100.0%</b> | 760.25       | -5.1%        | 7.97           | 142.4%       | 17.1%         | 2.87           |
| 2   | <b>PXL</b> | HOSE | 2.8          | -65.0%          | 10.01        | <b>19920.0%</b> | 24.57        | -69.3%       | -5.45          | -2968.4%     | -51.2%        | 0.20           |
| 3   | <b>ASP</b> | HOSE | 569.88       | 10.7%           | 10.93        | <b>10830.0%</b> | 1970.76      | -1.1%        | 20.2           | -19.8%       | 72.1%         | 13.11          |
| 4   | <b>PXI</b> | HOSE | 256.85       | 28.2%           | 17.97        | <b>5515.6%</b>  | 683.2        | -19.3%       | 15.03          | 78.5%        | 38.5%         | 3.08           |
| 5   | <b>KTB</b> | HOSE | 16.14        | -11.9%          | 1.68         | <b>5500.0%</b>  | 50.16        | -35.9%       | 1.75           | -95.7%       | 5.8%          | 2.56           |
| 6   | <b>FDC</b> | HOSE | 194.57       | 627.4%          | 240.48       | <b>2999.0%</b>  | 244.3        | 55.9%        | 254.58         | 752.0%       | 636.5%        | 0.16           |
| 7   | <b>VRC</b> | HOSE | 42.95        | 363.3%          | 3.73         | <b>2969.2%</b>  | 100.02       | 13.7%        | 1.54           | 1000.0%      | 21.1%         | 0.50           |
| 8   | <b>KMR</b> | HOSE | 68.79        | 11.8%           | 5.97         | <b>2942.9%</b>  | 337.28       | -3.1%        | 20.16          | 474.4%       | 163.2%        | 18.91          |
| 9   | <b>ITA</b> | HOSE | -36.58       | -117.6%         | 31.7         | <b>2319.8%</b>  | -15.13       | -141.7%      | 45.11          | 36.8%        | 57.8%         | 15.73          |
| 10  | <b>VTO</b> | HOSE | 362.62       | -12.3%          | 20.37        | <b>2163.3%</b>  | 1564.15      | -4.7%        | 43.81          | -11.1%       | 605.9%        | 2.19           |

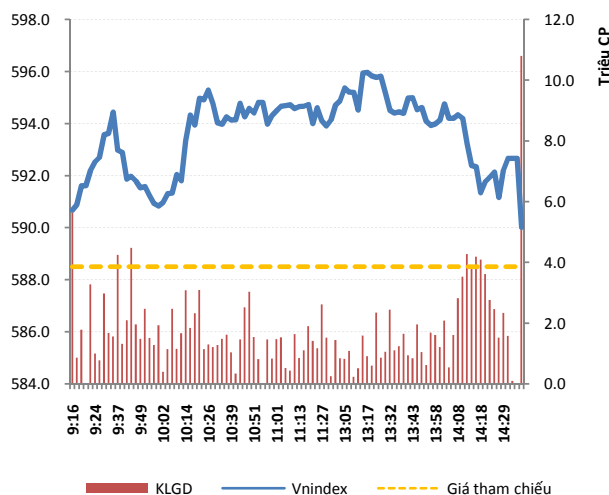
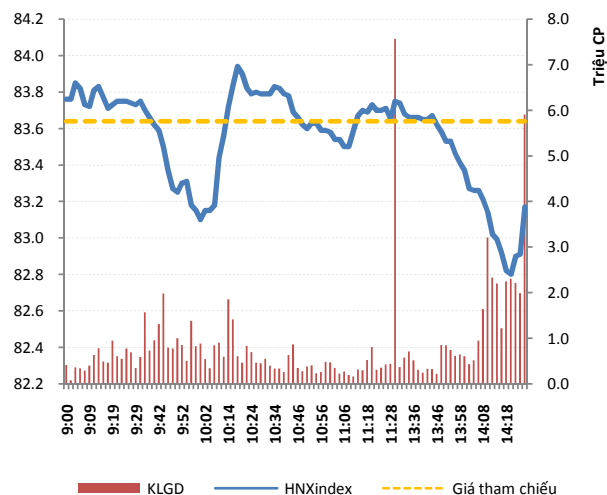
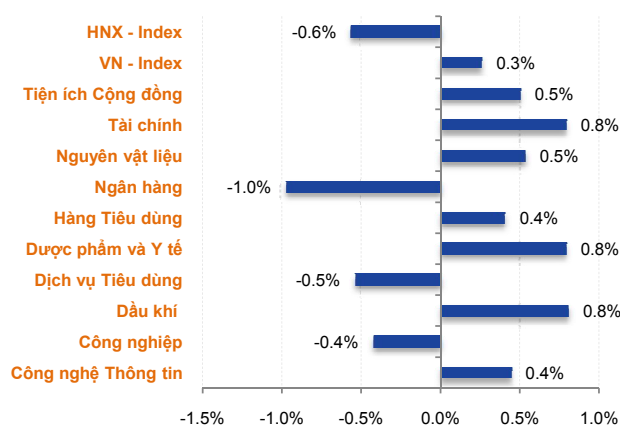
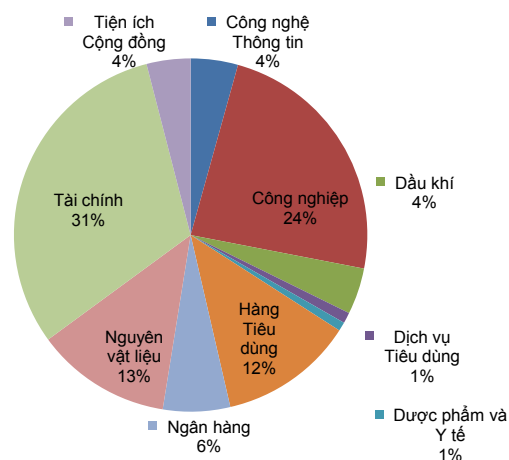
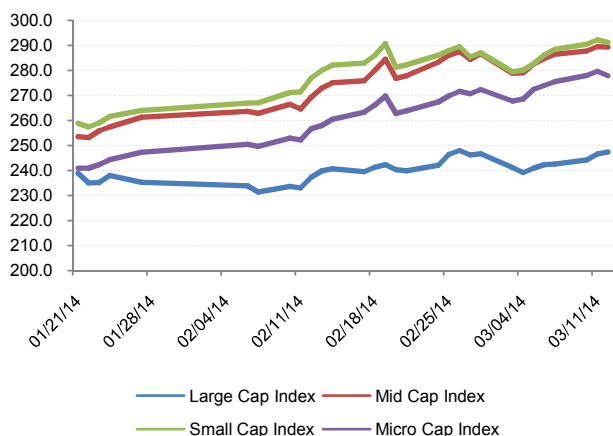
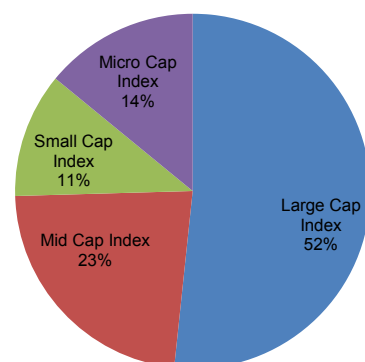
**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012**

| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ) | % LN so 2012   | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|------------|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| 1   | <b>DHC</b> | HOSE | 135.56       | 26.0%           | 9.35         | 91.6%           | 454.35       | 33.3%        | 27.05          | <b>1165.0%</b> | 158.7%        | 1.12           |
| 2   | <b>APG</b> | HNX  | 4.67         | 183.0%          | 2.87         | 171.4%          | 11.83        | 54.6%        | 4.81           | <b>1073.2%</b> | 74.0%         | 0.04           |
| 3   | <b>VRC</b> | HOSE | 42.95        | 363.3%          | 3.73         | 2969.2%         | 100.02       | 13.7%        | 1.54           | <b>1000.0%</b> | 21.1%         | 0.50           |
| 4   | <b>CMI</b> | HNX  | 29.66        | 446.2%          | 12.3         | 261.4%          | 52.88        | 63.8%        | 13.09          | <b>869.6%</b>  | 55.7%         | 0.05           |
| 5   | <b>FDC</b> | HOSE | 194.57       | 627.4%          | 240.48       | 2999.0%         | 244.3        | 55.9%        | 254.58         | <b>752.0%</b>  | 636.5%        | 0.16           |
| 6   | <b>TCM</b> | HOSE | 645.39       | 25.1%           | 28.88        | 247.3%          | 2554.42      | 11.9%        | 123.52         | <b>712.7%</b>  | 136.7%        | 49.00          |
| 7   | <b>SCL</b> | HNX  | 93.23        | 857.2%          | 22.19        | 382.3%          | 213.26       | 217.7%       | 37.57          | <b>547.8%</b>  | 225.6%        | -              |
| 8   | <b>KLS</b> | HNX  | 40.5         | -12.9%          | 40.73        | -35.5%          | 167.65       | -30.6%       | 138.34         | <b>541.4%</b>  | 34.2%         | 6.22           |
| 9   | <b>VCG</b> | HNX  | 2921.87      | -41.1%          | 421.53       | 671.2%          | 11345.11     | -10.4%       | 544.75         | <b>523.4%</b>  | 152.1%        | 5.15           |
| 10  | <b>KMR</b> | HOSE | 68.79        | 11.8%           | 5.97         | 2942.9%         | 337.28       | -3.1%        | 20.16          | <b>474.4%</b>  | 163.2%        | 18.91          |

**TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT**

| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ)  | % LN so 2012 | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|------------|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|---------------|----------------|
| 1   | <b>GAS</b> | HOSE | 16575.8      | 9.5%            | 2194.68      | -12.2%          | 65445.03     | -4.2%        | <b>12384.66</b> | 26.3%        | 161.0%        | 2.51           |
| 2   | <b>VIC</b> | HOSE | 6776.78      | 138.9%          | 799.95       | 264.9%          | 18377.3      | 132.5%       | <b>6756.01</b>  | 330.0%       | 90.1%         | 12.99          |
| 3   | <b>VNM</b> | HOSE | 8174.03      | 15.9%           | 1470.04      | -10.8%          | 30948.6      | 16.5%        | <b>6534.13</b>  | 12.3%        | 104.9%        | 49.00          |
| 4   | <b>DPM</b> | HOSE | 2361.45      | -17.4%          | 258.71       | -50.6%          | 10363.42     | -22.2%       | <b>2216.92</b>  | -26.5%       | 115.8%        | 29.86          |
| 5   | <b>HPG</b> | HOSE | 6460.28      | 52.5%           | 489.6        | 179.5%          | 18934.29     | 12.5%        | <b>1954.22</b>  | 96.6%        | 162.9%        | 45.57          |
| 6   | <b>PVD</b> | HOSE | 4467.94      | 26.4%           | 485.28       | 126.8%          | 14863.25     | 24.6%        | <b>1877.89</b>  | 29.7%        | 138.1%        | 40.65          |
| 7   | <b>PPC</b> | HOSE | 1736.95      | 40.4%           | 232.13       | -57.2%          | 6582.56      | 59.4%        | <b>1631.51</b>  | 223.2%       | 486.4%        | 12.57          |
| 8   | <b>FPT</b> | HOSE | 11283.43     | 12.6%           | 474.01       | 5.6%            | 41231.63     | 67.6%        | <b>1607.71</b>  | 4.4%         | 81.0%         | 49.00          |
| 9   | <b>PVS</b> | HNX  | 6096.13      | -4.6%           | 491.81       | 142.3%          | 25385.83     | 3.2%         | <b>1516.21</b>  | 35.6%        | 191.9%        | 25.65          |
| 10  | <b>BVH</b> | HOSE | 2040.45      | -6.7%           | 291.11       | -1.7%           | 8377.68      | -0.4%        | <b>1095.85</b>  | -18.7%       | 99.4%         | 24.40          |
| 11  | <b>REE</b> | HOSE | 729.9        | 10.6%           | 136.84       | -22.6%          | 2413.4       | 0.7%         | <b>975.79</b>   | 48.6%        | 150.1%        | 48.94          |
| 12  | <b>HAG</b> | HOSE | 755.13       | -56.4%          | 295.65       | 368.9%          | 2769.41      | -37.0%       | <b>901.81</b>   | 157.7%       | 108.6%        | 34.19          |

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/03/2014

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH**
**KLGD và VN-Index trong phiên**

**KLGD và HNX-Index trong phiên**

**Biến động giá phân theo nhóm Ngành**

**Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành**

**Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa**

**Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa**

**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | VNS   | 2,000,000   | KBC   | 833,520     |
| 2  | KDC   | 292,790     | IJC   | 780,090     |
| 3  | GAS   | 183,420     | DPM   | 635,760     |
| 4  | SJS   | 153,000     | HAG   | 335,970     |
| 5  | HSG   | 139,820     | VHC   | 300,000     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | SHB   | 156,100     | PSI   | 283,000     |
| 2  | SDH   | 60,100      | PVS   | 133,800     |
| 3  | SDT   | 40,100      | PVX   | 42,600      |
| 4  | SD5   | 30,000      | KSD   | 42,000      |
| 5  | VCG   | 28,400      | HDO   | 30,900      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| ITA | 8.9        | 8.6      | ↓ -3.37% | 11,886,780 |
| FLC | 13.7       | 13.2     | ↓ -3.65% | 8,621,100  |
| HQC | 9.0        | 8.7      | ↓ -3.33% | 7,061,290  |
| VHG | 11.4       | 11.8     | ↑ 3.51%  | 6,692,950  |
| AGR | 6.0        | 6.4      | ↑ 6.67%  | 6,640,850  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 9.3        | 9.3      | → 0.00%  | 10,558,020 |
| PVX | 5.1        | 5.0      | ↓ -1.96% | 9,953,600  |
| KLS | 12.3       | 12.1     | ↓ -1.63% | 6,234,800  |
| SCR | 9.2        | 9.0      | ↓ -2.17% | 4,440,802  |
| HUT | 11.7       | 12.0     | ↑ 2.56%  | 3,914,200  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| POM | 12.9       | 13.8     | 0.9 | ↑ 6.98% |
| MHC | 7.2        | 7.7      | 0.5 | ↑ 6.94% |
| AGR | 6.0        | 6.4      | 0.4 | ↑ 6.67% |
| HAI | 22.0       | 23.4     | 1.4 | ↑ 6.36% |
| LGC | 16.0       | 17.0     | 1.0 | ↑ 6.25% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| DLR | 6.0        | 6.6      | 0.6 | ↑ 10.00% |
| CTA | 4.0        | 4.4      | 0.4 | ↑ 10.00% |
| SIC | 8.1        | 8.9      | 0.8 | ↑ 9.88%  |
| TSB | 6.1        | 6.7      | 0.6 | ↑ 9.84%  |
| S12 | 7.3        | 8.0      | 0.7 | ↑ 9.59%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| DTA | 4.3        | 4.0      | -0.3 | ↓ -6.98% |
| TSC | 15.9       | 14.8     | -1.1 | ↓ -6.92% |
| KAC | 11.7       | 10.9     | -0.8 | ↓ -6.84% |
| TLG | 48.0       | 44.8     | -3.2 | ↓ -6.67% |
| ICF | 6.2        | 5.8      | -0.4 | ↓ -6.45% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| VE8 | 6.0        | 5.4      | -0.6 | ↓ -10.00% |
| SDU | 10.0       | 9.0      | -1.0 | ↓ -10.00% |
| PCG | 10.0       | 9.0      | -1.0 | ↓ -10.00% |
| HBE | 8.1        | 7.3      | -0.8 | ↓ -9.88%  |
| INC | 6.1        | 5.5      | -0.6 | ↓ -9.84%  |

(\*) Giá điều chỉnh





## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| ITA | 11,886,780 | 0.7%  | 73    | 117.3 | 0.8 |
| FLC | 8,621,100  | 7.9%  | 663   | 19.9  | 1.6 |
| HQC | 7,061,290  | 3.5%  | 376   | 23.1  | 0.8 |
| VHG | 6,692,950  | 20.8% | 2,221 | 5.3   | 1.0 |
| AGR | 6,640,850  | 0.9%  | 94    | 68.3  | 0.6 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------------|---------|---------|-------|-----|
| SHB | 10,558,020 | 7.6%    | 854     | 10.9  | 0.8 |
| PVX | 9,953,600  | -115.4% | (5,275) | -     | 2.5 |
| KLS | 6,234,800  | 5.5%    | 716     | 16.9  | 0.9 |
| SCR | 4,440,802  | 0.4%    | 53      | 169.8 | 0.6 |
| HUT | 3,914,200  | 1.9%    | 232     | 51.7  | 1.1 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS     | P/E    | P/B |
|-----|--------|-------|---------|--------|-----|
| POM | ↑ 7.0% | -8.8% | (1,176) | (11.7) | 1.1 |
| MHC | ↑ 6.9% | 14.9% | 1,154   | 6.7    | 0.9 |
| AGR | ↑ 6.7% | 0.9%  | 94      | 68.3   | 0.6 |
| HAI | ↑ 6.4% | 10.0% | 2,177   | 10.8   | 1.2 |
| LGC | ↑ 6.3% | 2.3%  | 402     | 42.3   | 1.1 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E     | P/B |
|-----|---------|--------|---------|---------|-----|
| DLR | ↑ 10.0% | -10.0% | (1,379) | 10.9    | 0.5 |
| CTA | ↑ 10.0% | 0.0%   | 2       | 2,152.7 | 0.4 |
| SIC | ↑ 9.9%  | 1.5%   | 286     | 31.1    | 0.5 |
| TSB | ↑ 9.8%  | 0.8%   | 51      | 132.1   | 1.0 |
| S12 | ↑ 9.6%  | 0.9%   | 115     | 69.3    | 0.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| VNS | 2,000,000 | 21.4% | 5,497 | 9.0  | 1.9 |
| KDC | 292,790   | 11.3% | 3,040 | 20.1 | 2.1 |
| GAS | 183,420   | 40.8% | 6,535 | 13.1 | 4.8 |
| SJS | 153,000   | 4.5%  | 712   | 33.7 | 1.5 |
| HSG | 139,820   | 25.7% | 5,770 | 9.9  | 2.4 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 156,100 | 7.6%  | 854   | 10.9 | 0.8 |
| SDH | 60,100  | -8.1% | (611) | -    | 0.9 |
| SDT | 40,100  | 13.8% | 2,905 | 6.0  | 0.8 |
| SD5 | 30,000  | 10.8% | 2,276 | 7.6  | 0.8 |
| VCG | 28,400  | 10.0% | 1,233 | 12.4 | 1.2 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| GAS | 162,023 | 40.8% | 6,535 | 13.1  | 4.8 |
| VNM | 117,519 | 39.6% | 7,839 | 18.0  | 6.7 |
| MSN | 72,756  | 3.0%  | 611   | 161.9 | 4.9 |
| VCB | 70,913  | 10.3% | 1,878 | 16.3  | 1.6 |
| VIC | 69,975  | 47.7% | 7,379 | 10.4  | 3.9 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 15,113  | 6.6%  | 886   | 18.5 | 1.2 |
| PVS | 12,776  | 21.0% | 3,568 | 8.0  | 1.6 |
| SQC | 8,602   | -1.5% | (188) | -    | 6.4 |
| SHB | 8,241   | 7.6%  | 854   | 10.9 | 0.8 |
| VCG | 6,758   | 10.0% | 1,233 | 12.4 | 1.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| HVX | 2.95 | -7.7% | (703) | -    | 1.0 |
| CMT | 2.84 | 7.0%  | 1,076 | 9.9  | 0.7 |
| HBC | 2.25 | 6.4%  | 1,266 | 17.8 | 1.1 |
| HAX | 2.24 | 2.8%  | 212   | 30.6 | 0.9 |
| HPG | 2.21 | 22.2% | 4,663 | 11.0 | 2.3 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| VDS | 3.89 | 0.7%   | 44      | 120.6 | 0.8 |
| QCC | 3.86 | 1.9%   | 268     | 16.8  | 0.3 |
| YBC | 3.48 | -84.4% | (4,096) | -     | 2.0 |
| TC6 | 3.29 | 19.1%  | 4,544   | 4.4   | 0.8 |
| CT6 | 2.96 | 12.7%  | 1,679   | 5.7   | 0.7 |



---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm  
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết  
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn  
Thái Bình, Quận I  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà  
Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Người thực hiện:*

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*